

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HS-ST
Ngày 28 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Bé Sáu;

Ông Lê Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo sau:

1. Bị cáo Nguyễn Thị G (tên gọi khác: G 2), sinh năm 1974 tại Đồng Tháp; nơi cư trú: Khóm E, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán cà phê; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1940 (*đã chết*) và bà Phan Thị D, sinh năm: 1944; chưa chồng, con; tiền sự, tiền án: Chưa; tạm giữ: Không; tạm giam: Từ ngày 23/6/2021 đến ngày 25/6/2021. Hiện tại, bị cáo tại ngoại, cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo Dương Minh Đ, sinh năm 1996 tại Đồng Tháp; nơi cư trú: Khóm Trung A, thị trấn Thường T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Sản xuất chế biến cà phê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn N, sinh năm: 1967 (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1970; chưa có vợ, con; tiền sự, tiền án:

Chưa; tạm giữ: Không; tạm giam: Từ ngày 23/6/2021 đến ngày 13/7/2021. Hiện tại, bị cáo tại ngoại, cấm đi khỏi nơi cư trú và Tạm hoãn xuất cảnh (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Lương Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt có đơn);

Nơi cư trú: Ấp P, xã Long K, thị xã Cai L, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngô Thị Diễm E, sinh năm 1974 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm B, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*:

1. Võ Kim N 2, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm B, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trần Văn T 2, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 3B/10, đường Hoàng Hoa Thám, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Trần Văn T 3, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 3B/10, đường Hoàng Hoa Thám, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Nguyễn Phú Q, sinh năm 1996 (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm D, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Đăng K, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp Thanh H, xã Hòa P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

6. Võ Hiếu N, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp V, xã Châu P, thị xã T, tỉnh An Giang.

7. Võ Minh K 2, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp C, xã Tân B, thị xã Cai L, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, bị cáo Nguyễn Thị G đăng ký kinh doanh mua bán nhiều loại cà phê nhãn hiệu của các Cơ sở trong và ngoài tỉnh Đồng Tháp như: Tân Nguyên, Tài Mạnh, Thành Được, Bảo Minh, Gia Huy, Gia Phát, Thuận Phát, Sài Gòn, Hồng Hạnh; Trong quá trình kinh doanh mua bán, thấy người tiêu dùng ưa chuộng cà phê nhãn hiệu Hữu Khánh nên nảy sinh ý định làm giả bằng cách tìm đặt mua

bao bì giống như nhãn hiệu Hữu Khánh, cùng các loại phụ gia như cà phê hạt, bắp rang, v.v. , rồi thuê Cơ sở sản xuất chế biến cà phê Minh Điền do Dương Minh Đ làm chủ ở địa chỉ Khóm E, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp chế biến thành cà phê nhãn hiệu Hữu Khánh và đóng gói (*bao*) thành phẩm để bán ra thị trường.

Đến khoảng 13 giờ 20 phút, ngày 02 tháng 02 năm 2021, Công an phường An T và Công an thành phố H phối hợp với Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh Đồng Tháp tiến hành kiểm tra tại Cơ sở sản xuất cà phê Minh Điền, phát hiện Cơ sở chế biến cà phê hạt thành cà phê bột không rõ nguồn gốc, xuất xứ, cùng nhiều bao bì, nhãn hiệu cà phê đã sản xuất thành phẩm và chưa thành phẩm, đóng gói của nhiều nhãn mác ghi tên các sản phẩm hiệu khác nhau; Lực lượng chức năng tiếp tục kiểm tra Kiot mua bán cà phê số 72 của bà Ngô Thị Diễm E ở Khóm D, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp phát hiện nhiều bao cà phê thành phẩm nhãn hiệu Hữu Khánh do Nguyễn Thị G cung ứng, thấy có dấu hiệu sản xuất hàng giả nên lực lượng chức năng đã tiến hành lập biên bản tạm giữ các sản phẩm, đồ vật và các dụng cụ liên quan đến quy trình sản xuất cà phê để điều tra làm rõ.

Trong quá trình điều tra, hai bị cáo đã khai báo thành khẩn trước Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát về toàn bộ hành vi phạm tội như trên; Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là do bị cáo Nguyễn Thị G trong quá trình kinh doanh mua - bán cà phê các loại nhãn hiệu khác nhau nhưng quan sát trên thị trường thấy người tiêu dùng ưu chuộng cà phê nhãn hiệu Hữu Khánh nên nảy sinh ý định làm giả, đồng thời thuê Cơ sở sản xuất Minh Điền chế biến thành cà phê mang nhãn hiệu Hữu Khánh để bán ra thị trường nhằm thu lợi nhuận cao. Sau khi chế biến được 5.202 (*Năm nghìn hai trăm linh hai*) bao cà phê (*loại 500gram/bao*), thành phẩm nhãn hiệu Hữu Khánh thì bị Lực lượng chức năng kiểm tra phát hiện làm rõ.

Vật chứng thu giữ khi kiểm tra tại cơ sở sản xuất Minh Điền gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số: 51L8002636, ngày 16/01/2018 do Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã H (*nay là thành phố H*) ký; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm số: 99/2018/XNTH-QLCL, ngày 22 tháng 3 năm 2018; sổ khám sức khỏe định kỳ tên Dương Minh Đ; bản tự công bố sản phẩm số 01/cà phê - Minh Điền/2019, ngày 22 tháng 5 năm 2019; phiếu kết quả thử nghiệm số: MM1812176, ngày 17/12/2018; bản tự công bố sản phẩm số 02/cà phê - Minh Điền/2019, ngày 22 tháng 5 năm 2019; phiếu kết quả thử nghiệm số: MM1812177, ngày 17/12/2018; 450 (*Bốn trăm năm mươi*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Tân Nguyên, loại 500g/bao; 155 (*Một trăm năm mươi lăm*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Tài Mãnh, bao bì màu nâu, loại 500g/bao; 76 (*Bảy mươi sáu*) bao cà phê đã đóng gói

thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Tài Mạnh, bao bì màu cam, loại 500g/bao; 319 (*Ba trăm mười chín*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Thành Được, loại 500g/bao; 1.080 (*Một nghìn không trăm tám mươi*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Bảo Minh, bao bì màu xanh, loại 500g/bao; 300 (*Ba trăm*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Bảo Minh, bao bì màu xanh, loại 100g/bao; 100 (*Một trăm*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Gia Huy, loại 500g/bao; 60 (*Sáu mươi*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Sài Gòn, loại 500g/bao; 1.080 (*Một nghìn không trăm tám mươi*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hữu Khánh, bao bì màu đen, loại 500g/bao; 120 (*Một trăm hai mươi*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hữu Khánh, bao bì màu đỏ, loại 500g/bao; 360 (*Ba trăm sáu mươi*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hữu Khánh, bao bì màu vàng, loại 500g/bao; 200 (*Hai trăm*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Gia Phát, loại 500g/bao; 60 (*Sáu mươi*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Thuận Phát, loại 500g/bao; 200 (*Hai trăm*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hồng Hạnh, loại 500g/bao; 01 (*Một*) máy trộn cà phê bằng kim loại, có gắn mô tơ điện, không rõ số loại, nhãn hiệu, đã qua sử dụng (*giao lại cho chủ cơ sở quản lý, có biên bản kèm theo*); 01 (*một*) máy xay cà phê bằng kim loại, có gắn mô tơ điện, không rõ số loại, nhãn hiệu ghi YUNGSHUN, đã qua sử dụng; 01 (*một*) máy ép bóc, sử dụng điện, không rõ số loại, nhãn hiệu ghi KUNBA, đã qua sử dụng; 01 (*Một*) can nhựa màu trắng, bên trong có chứa chất lỏng (*chưa rõ chất gì*), bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu dùng cho thực phẩm hương sữa, mã số 8222006, đã qua sử dụng; 01 (*Một*) can nhựa màu trắng, bên trong có chứa chất lỏng (*chưa rõ chất gì*), bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu dùng cho thực phẩm hương cà phê, mã số 1402856, đã qua sử dụng; 01 (*Một*) can nhựa màu trắng, bên trong có chứa chất lỏng (*chưa rõ chất gì*), bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu dùng cho thực phẩm hương cà phê, mã số 1402229, đã qua sử dụng; 01 (*Một*) hũ nhựa hình trụ màu cam, bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu thực phẩm bột cà phê, mã số 1405150, đã qua sử dụng; 01 (*Một*) hũ nhựa hình trụ màu cam, bên trong có chứa bột màu trắng, bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu thực phẩm bột cà phê, mã số 1405150, đã qua sử dụng, không xác định trọng lượng; 01 (*Một*) bịch giấy bạc màu trắng, bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu thực phẩm nhãn hiệu FRUTAROM, mã số 1405003, bên trong có chứa bột màu trắng, đã qua sử dụng, không xác định trọng lượng; 01 (*Một*) cái cân bằng kim loại, màu xanh, loại 100kg, nhãn hiệu Nhơn Hoà, đã qua sử dụng; 01 (*Một*) cái cân bằng kim loại, màu xanh, loại 02kg, nhãn hiệu Nhơn Hoà, đã qua sử dụng; 582 (*Năm trăm tám mươi hai*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hữu Khánh, bao bì màu đen, loại 500g/bao; 04kg (*Bốn kilôgam*) bao bì

nhãn cà phê Hữu Khánh các loại; 131 (*Một trăm ba mươi mốt*) bao cà phê chưa đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hữu Khánh các loại, loại 500g/bao, đựng trong 04 (*Bốn*) sọt mũ nhựa, không xác định trọng lượng; 15kg (*Mười lăm kilôgam*) cà phê hạt; 15kg (*Mười lăm kilôgam*) đậu nành.

Vật chứng thu giữ tại Kiot số 72, địa chỉ Khóm D, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp do chị Ngô Thị Diễm E quản lý (nơi Nguyễn Thị G bán cà phê): 2.400 (*Hai nghìn bốn trăm*) bao cà phê đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hữu Khánh, bao màu nâu, loại 500g/bao, “Minh Điền”; 780 (*Bảy trăm tám mươi*) bao cà phê đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm Hữu Khánh, bao màu vàng nâu, loại 500g/bao, “Minh Điền”.

Bản kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐĐG ngày 14/5/2021 của Hội đồng định giá Tổ tụng Hình sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, kết luận như sau: Đối với 5.202 bao (*Năm nghìn hai trăm linh hai*) bao cà phê đóng gói thành phẩm nhãn hiệu Hữu Khánh, loại 500g/bao. Giá trị: 45.000đ/bao. Tổng cộng: 5.202 bao x 45.000đ/bao = 234.090.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*); đối với 131 (*Một trăm ba mươi mốt*) bao cà phê chưa đóng gói thành phẩm. Hội đồng chưa đủ cơ sở để xác định giá trị do đây chưa phải là sản phẩm hoàn chỉnh được mua bán trên thị trường.

Tại Thông báo kết quả giám định số 0066/N3.21/TĐ, ngày 12/04/2021 của Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 thuộc Tổng Cục đo lường chất lượng, kết luận như sau: Sáu (06) mẫu giám định Nhãn hiệu cà phê thành phẩm Hữu Khánh có kết quả thử nghiệm chỉ tiêu Hàm lượng cafein nêu tại mục 8.3 (*in đậm*) không phù hợp với mức quy định ghi trên bao bì và khác với kết quả thử nghiệm tương ứng của các mẫu so sánh; tại thời điểm giám định, chưa đủ cơ sở để xác định các mẫu giám định có bị làm giả hay không.

Tại Kết luận giám định số 554/KL-KTHS, ngày 03/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, đã kết luận về đối tượng giám định như sau: “04 (*Bốn*) bao bì nhãn hiệu cà phê “Hữu Khánh” cần giám định ký hiệu từ A1 đến A 4 là giả; kèm theo kết luận giám định: Không”.

Về xử lý vật chứng vụ án của Cơ quan điều tra: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản không liên quan đến vụ án cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp. Riêng vật chứng có liên quan đã nhập vào Kho vật chứng Công an thành phố H, tỉnh Đồng Tháp theo quy định nhằm phục vụ cho công tác điều tra, truy tố và xét xử.

Về dân sự trong vụ án: Trong quá trình điều tra, người liên quan bà Ngô Thị Diễm E và bị hại ông Lương Văn T tự nguyện không yêu cầu bồi thường các khoản thiệt hại liên quan đối với các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 49/CT-VKSTPHN ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp truy tố các bị cáo Nguyễn Thị G, Dương Minh Đ phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 193 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị G khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Ngoài ra, không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Bị cáo Dương Minh Đ khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Ngoài ra, không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Diễm E khai: Thống nhất toàn bộ nội dung theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Ngoài ra, không ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử đã phát biểu lời luận tội: Kháng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị G, Dương Minh Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 193 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Thị G, Dương Minh Đ phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 193 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 193, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù; căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 193, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Minh Đ từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Quá trình điều tra, bà Ngô Thị Diễm E là người trực tiếp giao dịch kinh doanh việc mua bán cà phê nhãn hiệu Hữu Khánh do bị cáo G cung cấp nhưng không biết bị cáo G thuê bị cáo Đ chế biến thành phẩm cà phê mang nhãn hiệu Hữu Khánh, xét thấy không có dấu hiệu đồng phạm hay có hành vi vi phạm liên quan nên không đề cập xử lý.

Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản không liên quan đến vụ án cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với số tiền lợi nhuận thu được 9.540.000 đồng từ việc bán cà phê giả nhãn hiệu Hữu Khánh cho bà Ngô Thị Diễm E và các tài sản là công cụ dùng vào việc chế biến, sản xuất cà phê nhãn hiệu Hữu Khánh gồm: 01 (Một) máy trộn cà

phê bằng kim loại, có gắn mô tơ điện, không rõ số loại, nhãn hiệu (*hiện đã giao lại cho chủ cơ sở quản lý, có biên bản kèm theo*); 01 (Một) máy xay cà phê bằng kim loại, có gắn mô tơ điện, không rõ số loại, nhãn hiệu ghi YUNGSHUN; 01 (Một) máy ép bọ, sử dụng điện, không rõ số loại, nhãn hiệu ghi KUNBA; 01 (Một) cái cân bằng kim loại, màu xanh, loại 100kg, nhãn hiệu Nhơn Hoà; 01 (Một) cái cân bằng kim loại, màu xanh, loại 02kg, nhãn hiệu Nhơn Hoà. Tất cả đều đã qua sử dụng, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

Riêng các tài sản không liên quan khác gồm: 01 (Một) can nhựa màu trắng, bên trong có chứa chất lỏng (*chưa rõ chất gì*), bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu dùng cho thực phẩm hương sữa, mã số 8222006; 01 (Một) can nhựa màu trắng, bên trong có chứa chất lỏng (*chưa rõ chất gì*), bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu dùng cho thực phẩm hương cà phê, mã số 1402856; 01 (Một) can nhựa màu trắng, bên trong có chứa chất lỏng (*chưa rõ chất gì*), bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu dùng cho thực phẩm hương cà phê, mã số 1402229; 01 (Một) hũ nhựa hình trụ màu cam, bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu thực phẩm bột cà phê, mã số 1405150; 01 (Một) hũ nhựa hình trụ màu cam, bên trong có chứa bột màu trắng, bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu thực phẩm bột cà phê, mã số 1405150, không xác định trọng lượng (tất cả đều đã qua sử dụng); 01 (Một) bịch giấy bạc màu trắng, bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu thực phẩm nhãn hiệu FRUTAROM, mã số 1405003, bên trong có chứa bột màu trắng, không xác định trọng lượng; 15kg (Mười lăm kilôgam) cà phê hạt và 15kg (Mười lăm kilôgam) đậu nành xét nên trả lại cho bị cáo G.

Đối với 5.202 (Năm nghìn hai trăm linh hai) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hữu Khánh các loại, loại 500g/bao; 04kg (Bốn kilôgam) bao bì nhãn hiệu cà phê Hữu Khánh; 131 (Một trăm ba mươi một) bao cà phê chưa đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hữu Khánh các loại, loại 500g/bao, đựng trong 04 (Bốn) sọt mũ nhựa, không xác định trọng lượng; là sản phẩm có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên tịch thu và tiêu hủy.

Các bị cáo thống nhất nội dung luận tội của Kiểm sát viên và không tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội cụ thể như sau: Trong quá trình kinh doanh mua bán, thấy người tiêu dùng ưa chuộng cả phê nhãn hiệu Hữu Khánh nên nảy sinh ý định làm giả bằng cách tìm đặt mua bao bì giống như nhãn hiệu Hữu Khánh, cùng các loại phụ gia như cà phê hạt, bắp rang, v.v. , rồi thuê Cơ sở sản xuất chế biến cà phê Minh Điền do Dương Minh Đ làm chủ ở địa chỉ Khóm E, phường An T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp chế biến thành cả phê nhãn hiệu Hữu Khánh và đóng gói (*bao*) thành phẩm với số lượng 5.202 (*Năm nghìn hai trăm linh hai*) bao cà phê (*loại 500gram/bao*), thành phẩm nhãn hiệu Hữu Khánh để bán ra thị trường thu lợi nhuận cao cho bản thân; bị cáo G là người trực tiếp mua cà phê hạt, bắp rang, bao bì nhãn hiệu Hữu Khánh và thuê bị cáo Đ xay cà phê, bắp rang và đóng gói (*bao*) thành phẩm nhãn hiệu Hữu Khánh giả để bị cáo G bán, còn bị cáo Đ đồng ý làm thuê cho bị cáo G với giá từ 3.000đồng đến 5.000đồng/01 kg cà phê Hữu Khánh thành phẩm, bị cáo đã dùng các vật chứng nêu trên để đóng gói (*bao*) thành phẩm cà phê giả mang nhãn hiệu Hữu Khánh.

[3] Căn cứ vào bản kết luận định giá tài sản số: 27/KL-HĐĐG ngày 14/5/2021 của Hội đồng định giá Tố tụng Hình sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, kết luận như sau: Đối với 5.202 bao (*Năm nghìn hai trăm linh hai*) bao cà phê đóng gói thành phẩm nhãn hiệu Hữu Khánh, loại 500g/bao. Giá trị: 45.000đ/bao, tổng cộng: 5.202 bao x 45.000đ/bao = 234.090.000 đồng (*Hai trăm ba mươi bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*); đối với 131 (*Một trăm ba mươi một*) bao cà phê chưa đóng gói thành phẩm, Hội đồng chưa đủ cơ sở để xác định giá trị do đây chưa phải là sản phẩm hoàn chỉnh được mua bán trên thị trường. Thông báo kết quả giám định số: 0066/N3.21/TĐ, ngày 12/04/2021 của Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 thuộc Tổng Cục đo lường chất lượng, kết luận như sau: Sáu (06) mẫu giám định nhãn hiệu cà phê thành phẩm Hữu Khánh có kết quả thử nghiệm chỉ tiêu hàm lượng cafein nêu tại mục 8.3 (*in đậm*) không phù hợp với mức quy định ghi trên bao bì và khác với kết quả thử nghiệm tương ứng của các mẫu so sánh; tại thời điểm giám định, chưa đủ cơ sở để xác định các mẫu giám định có bị làm giả hay không. Kết luận giám định số: 554/KL-KTHS, ngày 03/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp, đã kết luận về đối tượng giám định như sau: 04 (*Bốn*) bao bì nhãn hiệu cà phê “Hữu Khánh” cần giám định ký hiệu từ A1 đến A 4 là giả.

[4] Như vậy, đã đủ chứng cứ để kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị G, Dương Minh Đ đã phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 193 của Bộ luật Hình sự.

[5] Tại Điều 193. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm quy định: “1. *Người nào sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm*; 2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm*:

a) ... g) *Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá từ 150.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*; 3.....; 5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

[6] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, trao đổi buôn bán hàng hóa tại địa phương; gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[7] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị G (G): Đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị bệnh ung thư cổ tử cung; là lao động duy nhất nuôi mẹ già được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Dương Minh Đ: Đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là lao động duy nhất nuôi dì (Nguyễn Thị G) và bà ngoại được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Nhân thân của các bị cáo: Chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

[9] Các bị cáo có thể bị phạt tiền, xét thấy các bị cáo là lao động duy nhất, bị cáo G bị bệnh ung thư, đang gặp khó khăn và được Ủy ban nhân dân phường An T, Ủy ban nhân dân thị trấn Thường T xác nhận. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không phạt tiền các bị cáo.

[10] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình cũng cần phải xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt và có mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như các bị cáo.

[11] Đối với bà Ngô Thị Diễm E là người trực tiếp giao dịch kinh doanh việc mua bán cà phê nhãn hiệu Hữu Khánh với bị cáo G, nhưng không biết bị cáo G làm giả cà phê, xét thấy không có dấu hiệu đồng phạm hay có hành vi vi phạm liên quan nên Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lương Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Diễm E: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại tài sản không liên quan đến vụ án cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

Đối với 5.202 (*Năm nghìn hai trăm linh hai*) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hữu Khánh các loại, loại 500g/bao; 04kg (*Bốn kilôgam*) bao bì nhãn hiệu cà phê Hữu Khánh; 131 (*Một trăm ba mươi mốt*) bao cà phê chưa đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hữu Khánh các loại, loại 500g/bao, đựng trong 04 (*Bốn*) sọt mũ nhựa, không xác định trọng lượng là sản phẩm có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu và tiêu hủy.

Đối với số tiền lợi nhuận thu được 9.540.000 đồng từ việc bán cà phê giả nhãn hiệu Hữu Khánh cho bà Ngô Thị Diễm E và các tài sản gồm: 01 (*Một*) máy trộn cà phê bằng kim loại, có gắn mô tơ điện, không rõ số loại, nhãn hiệu (*hiện đã giao lại cho chủ cơ sở quản lý, có biên bản kèm theo*); 01 (*Một*) máy xay cà phê bằng kim loại, có gắn mô tơ điện, không rõ số loại, nhãn hiệu ghi YUNGSHUN; 01 (*Một*) máy ép bọ, sử dụng điện, không rõ số loại, nhãn hiệu ghi KUNBA; 01 (*Một*) cái cân bằng kim loại, màu xanh, loại 100kg, nhãn hiệu Nhơn Hoà; 01 (*Một*) cái cân bằng kim loại, màu xanh, loại 02kg, nhãn hiệu Nhơn Hoà. Tất cả đã qua sử dụng là công cụ dùng vào việc chế biến, sản xuất, buôn bán cà phê nhãn hiệu Hữu Khánh, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với các tài sản gồm: 01 (*Một*) can nhựa màu trắng, bên trong có chứa chất lỏng (*chưa rõ chất gì*), bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu dùng cho thực phẩm hương sữa, mã số 8222006; 01 (*Một*) can nhựa màu trắng, bên trong có chứa chất lỏng (*chưa rõ chất gì*), bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu dùng cho thực phẩm hương cà phê, mã số 1402856; 01 (*Một*) can nhựa màu trắng, bên trong có chứa chất lỏng (*chưa rõ chất gì*), bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu dùng cho thực phẩm hương cà phê, mã số 1402229; 01 (*Một*) hũ nhựa hình trụ màu cam, bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu thực phẩm bột cà phê, mã số 1405150; 01 (*Một*) hũ nhựa hình trụ màu cam, bên trong có chứa bột màu

trắng, bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu thực phẩm bột cà phê, mã số 1405150, không xác định trọng lượng; 01 (Một) bịch giấy bạc màu trắng, bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu thực phẩm nhãn hiệu FRUTAROM, mã số 1405003, bên trong có chứa bột màu trắng, không xác định trọng lượng (tất cả đã qua sử dụng); 15kg (Mười lăm kilôgam) cà phê hạt và 15kg (Mười lăm kilôgam) đậu nành. Các tài sản này không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo G.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo Nguyễn Thị G, Dương Minh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 193, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị G phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị G 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ vào ngày tạm giam: Từ ngày 23 tháng 6 năm 2021 đến ngày 25 tháng 6 năm 2021.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 193, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Minh Đ phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

Xử phạt: Bị cáo Dương Minh Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ vào ngày tạm giam: Từ ngày 23 tháng 6 năm 2021 đến ngày 13 tháng 7 năm 2021.

Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu và tiêu hủy: 5.202 (Năm nghìn hai trăm linh hai) bao cà phê đã đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hữu Khánh các loại, loại 500g/bao; 04kg (Bốn kilôgam) bao bì nhãn hiệu cà phê Hữu Khánh; 131 (Một trăm ba mươi mốt)

bao cà phê chưa đóng gói thành phẩm, tên sản phẩm cà phê Hữu Khánh các loại, loại 500g/bao, đựng trong 04 (Bốn) sọt mũ nhựa, không xác định trọng lượng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: Bị cáo Nguyễn Thị G phải nộp 9.540.000đồng vào ngân sách Nhà nước (số tiền này, từ việc bán cà phê giả nhãn hiệu Hữu Khánh cho bà Ngô Thị Diễm E) và các tài sản gồm: 01 (Một) máy trộn cà phê bằng kim loại, có gắn mô tơ điện, không rõ số loại, nhãn hiệu (*hiện đã giao lại cho chủ cơ sở quản lý, có biên bản kèm theo*); 01 (Một) máy xay cà phê bằng kim loại, có gắn mô tơ điện, không rõ số loại, nhãn hiệu ghi YUNGSHUN; 01 (Một) máy ép bọc, sử dụng điện, không rõ số loại, nhãn hiệu ghi KUNBA; 01 (Một) cái cân bằng kim loại, màu xanh, loại 100kg, nhãn hiệu Nhon Hoà; 01 (Một) cái cân bằng kim loại, màu xanh, loại 02kg, nhãn hiệu Nhon Hoà (Tất cả đã qua sử dụng).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị G: 01 (Một) can nhựa màu trắng, bên trong có chứa chất lỏng (*chưa rõ chất gì*), bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu dùng cho thực phẩm hương sữa, mã số 8222006; 01 (Một) can nhựa màu trắng, bên trong có chứa chất lỏng (*chưa rõ chất gì*), bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu dùng cho thực phẩm hương cà phê, mã số 1402856; 01 (Một) can nhựa màu trắng, bên trong có chứa chất lỏng (*chưa rõ chất gì*), bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu dùng cho thực phẩm hương cà phê, mã số 1402229; 01 (Một) hũ nhựa hình trụ màu cam, bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu thực phẩm bột cà phê, mã số 1405150; 01 (Một) hũ nhựa hình trụ màu cam, bên trong có chứa bột màu trắng, bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu thực phẩm bột cà phê, mã số 1405150, không xác định trọng lượng; 01 (Một) bịch giấy bạc màu trắng, bên ngoài có dán nhãn phụ ghi hương liệu thực phẩm nhãn hiệu FRUTAROM, mã số 1405003, bên trong có chứa bột màu trắng, không xác định trọng lượng (tất cả đã qua sử dụng); 15kg (Mười lăm kilôgam) cà phê hạt và 15kg (Mười lăm kilôgam) đậu nành.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản đề ngày 07 tháng 9 năm 2021).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị G, Dương Minh Đ, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28 tháng 9 năm 2021). Đối với bị hại Lương Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Cơ quan Điều tra Công an TP. Hồng Ngự;
- Cơ quan THA HS Công an TP. Hồng Ngự;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Hồng Ngự;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung